



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG ĐIỆN MÊ CA VNECO**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO công bố Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Điện.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015: 90.075.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 08. 5410 5273
- Fax: (84) 08. 5410 5274
- Website: www.mecavneco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công – nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 12 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Ngô Văn Cường | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Lê Thạch Túy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Lê Chí Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Lâm Quốc Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Trần Quang Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Văn Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Nguyễn Văn Quảng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Võ Thành Lương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Lâm Quốc Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/10/2010 |
| • Ông Mai Thái Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/01/2013 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

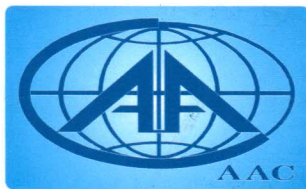
Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc



Lâm Quốc Hải

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Tòa nhà Hoàng Đan, 47-49 Hoàng Sa
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 233/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/02/2016, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu: 19.211.446.327 đồng; nợ phải trả: 2.145.387.883 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2015. Những hạn chế này chúng tôi không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do hạn chế từ phía Công ty. Ngoài ra, như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 20, khoản nợ phải trả số tiền 927.130.471 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ; kiểm toán viên cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại mục (1) Thuyết minh số 13, cho tới thời điểm hiện nay, Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
2. Như trình bày tại mục (3) Thuyết minh số 13 và số 38, Bất động sản là mặt bằng để xây dựng dự án Khu căn hộ cao cấp VNECO tại số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Công ty chuyển nhượng cho ông Lại Minh Hậu theo Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 14/1/2016 và Biên bản bàn giao đất ngày 28/1/2016.
3. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề được trình bày tại mục 39 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Lỗ lũy kế của Công ty tính tới thời điểm 31/12/2015 là 29.998.388.944 đồng và nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản lưu động là 115.858.075.397 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.
4. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 13/12/2010, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015, vốn thực góp tại Công ty là 90.075.000.000 đồng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Ánh Nga – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0809-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.045.721.105	10.941.448.970
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.699.118.610	6.083.012.340
1. Tiền	111		6.699.118.610	1.083.012.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.902.658.203	4.587.534.342
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.355.541.564	10.552.479.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.612.966.167	1.713.048.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.310.057.425	11.734.219.363
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(19.375.906.953)	(19.412.212.845)
IV. Hàng tồn kho	140		414.881.379	270.902.288
1. Hàng tồn kho	141	10	414.881.379	270.902.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.062.913	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.b	29.062.913	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.072.845.537	178.140.281.304
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.377.890.695	2.147.453.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.385.903.435	1.155.466.616
- Nguyên giá	222		3.501.300.127	2.022.676.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.115.396.692)	(867.210.103)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	228		991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	13	174.586.504.561	175.327.118.113
- Nguyên giá	231		178.485.216.190	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.898.711.629)	(3.158.098.077)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	635.027.954
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	-	635.027.954
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		108.450.281	30.681.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	108.450.281	30.681.361
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.118.566.642	189.081.730.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		124.903.796.502	119.643.730.456
I. Nợ ngắn hạn	310		124.903.796.502	119.443.730.456
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	38.186.475.135	39.417.101.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	890.406.299	890.406.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.a	63.897.197	3.444.476.754
4. Phải trả người lao động	314		84.832.100	128.445.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	207.828.105	98.001.832
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	40.151.519.653	29.860.810.527
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	44.333.535.675	44.619.185.674
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		985.302.338	985.302.338
II. Nợ dài hạn	330		-	200.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	-	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.214.770.140	69.437.999.818
I. Vốn chủ sở hữu	410		62.214.770.140	69.437.999.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	2.138.159.084	2.138.159.084
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	(29.998.388.944)	(22.775.159.266)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.775.159.266)	(18.856.774.697)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		187.118.566.642	189.081.730.274



Đàm Quốc Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	7.419.507.915	15.772.690.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		7.419.507.915	15.772.690.684
4. Giá vốn hàng bán	11	25	7.301.218.649	11.365.672.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		118.289.266	4.407.018.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	166.085.341	614.063.243
7. Chi phí tài chính	22	27	4.509.706.222	4.835.954.156
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.509.706.222	5.197.232.357
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	2.981.043.603	4.057.913.267
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.206.375.218)	(3.872.785.932)
11. Thu nhập khác	31	29	63.593.250	-
12. Chi phí khác	32	30	80.447.710	45.598.637
13. Lợi nhuận khác	40		(16.854.460)	(45.598.637)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	31	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(802)	(435)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(802)	(435)



Giám đốc

Lâm Quốc Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		14.805.362.045	18.872.305.292
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(8.377.060.404)	(12.478.890.882)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.055.927.400)	(794.467.900)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	20a; 27	-	(16.149.879)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	18b	(29.062.913)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		799.046.654	759.915.010
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.575.288.822)	(1.927.085.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.567.069.160	4.415.625.817
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(843.595.454)	(2.437.782.514)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.208.438.700
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8; 26	178.282.563	318.991.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(665.312.891)	89.647.891
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21a	(285.649.999)	(203.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(285.649.999)	(203.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		616.106.270	4.301.333.708
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.083.012.340	1.781.678.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	6.699.118.610	6.083.012.340



Lâm Quốc Hải

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diệm.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải điện.*

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công – nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 1 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO – Khách sạn Sài Gòn Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Riêng Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO – Nhà máy kết cấu thép đã được chuyên nhượng cho Công ty Cổ phần Thành Long nhưng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chưa thay đổi nội dung này.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng**

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 41) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.18 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp và cho thuê tài sản.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	80.316.114	99.100.950
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.618.802.496	983.911.390
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng)	-	5.000.000.000
Cộng	6.699.118.610	6.083.012.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Về Nguồn	483.284.025	483.284.025
Công ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	5.945.985.689	5.945.985.689
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8	-	89.877.346
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	874.502.960	3.981.563.871
Các đối tượng khác	51.768.890	51.768.886
Cộng	7.355.541.564	10.552.479.817

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8	Chung Công ty đầu tư	-	89.877.346
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	874.502.960	3.981.563.871
Cộng		874.502.960	4.071.441.217

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	279.805.341
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	309.481.060
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	158.135.627
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	384.000.000
Lê Văn Hưng - Đỗ Thị Thường	-	152.568.400
Công ty TNHH XD Và TM Thành Đức	93.545.500	93.545.500
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	83.978.000
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	72.273.052
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Tâm Giang	110.404.148	-
Các đối tượng khác	121.343.439	179.261.027
Cộng	1.612.966.167	1.713.048.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hải Vân Sơn (1)	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951
+ Lãi vay Công ty trả thay	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951
+ Gốc vay Công ty trả thay	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
*Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng				
Điện Việt Nam	-	-	102.612.000	-
Ông Đỗ Mạnh Hùng (2)	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	10.159.500	10.159.500	10.159.500
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	227.553.988	227.553.988	227.553.988
Lãi dự thu	-	-	12.197.222	-
Tạm ứng	326.719.675	-	204.226.803	-
Các đối tượng khác	568.154.412	-	-	-
Cộng	12.310.057.425	11.415.183.338	11.734.219.363	11.415.183.338

- (1) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn liên quan đến Hợp đồng mua bán Khách sạn Xanh Sài Gòn ngày 28/12/2008. Theo Hợp đồng này Công ty bán Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C, đường Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn. Công ty đã thế chấp Khách sạn Xanh Sài Gòn bảo lãnh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh, số tiền 14 tỷ đồng. Công ty TNHH Hải Vân Sơn nhận tiền vay và đã chuyển cho Công ty số tiền 13 tỷ đồng. Đến thời điểm trả nợ gốc và lãi vay (tương ứng số tiền trình bày trên) thì Công ty TNHH Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán. Do tài sản này vẫn chưa làm thủ tục sang tên nên thuộc quyền sở hữu của Công ty và vì vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ thay cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết.
- (2) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng cho Ông Đỗ Mạnh Hùng để thực hiện việc xin cấp giấy phép xây dựng Dự án 277 Bến Bình Đông. Tuy nhiên, Ông Đỗ Mạnh Hùng đã nghỉ việc và chưa cung cấp hóa đơn chứng từ để quyết toán khoản tạm ứng.

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng	Công ty đầu tư		
Điện Việt Nam		-	102.612.000
Cộng		-	102.612.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	19.375.906.953	19.412.212.845
- Từ 3 năm trở lên	19.375.906.953	19.237.235.353
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	174.977.492
Cộng	19.375.906.953	19.412.212.845

Trong đó: Nợ xấu

	31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	6.481.038.600	-		
Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Đức	18.000.000	-	> 3 năm	
Chủ thuê KS Green Mê ca - Bùi Bằng Đoàn	3.469.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Cơ khí XD SX Phương Hoàng	29.999.864	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Về Nguồn	483.284.025	-	> 3 năm	
Công ty CP Kết cấu thép Thành Long - Vneco	5.945.985.689	-	> 3 năm	
Công Ty TNHH Cơ Khí Ông Sáu	300.022	-	> 3 năm	
Trả trước người bán	1.479.685.015	-		
Ông Lê Thất Hậu (Sửa phần mềm kế Toán)	1.500.000	-	> 3 năm	
Công ty CP Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	-	> 3 năm	
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	-	> 3 năm	
CN Long An - Cty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	-	> 3 năm	
DNTN Thương mại Sơn Quốc	14.287.788	-	> 3 năm	
Công ty TNHH XD Và TM Thành Đức	93.545.500	-	> 3 năm	
Ông Đặng Thanh Sơn	450.000	-	> 3 năm	
Bảo Minh Sài Gòn - Phòng Khai Thác BH số 1	896.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	-	> 3 năm	
Đoàn Văn Hợi (B ngoài DZ 500KV PM-SM)	38.602.547	-	> 3 năm	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Cảnh	42.730.100	-	> 3 năm	
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	-	> 3 năm	
Phải thu khác	11.415.183.338	-		
Công ty TNHH Hải Vân Sơn	5.037.311.951	-	> 3 năm	Đã giải thể
Ông Đỗ Mạnh Hùng	6.140.157.899	-	> 3 năm	
Ông Võ Văn Khôi	10.159.500	-	> 3 năm	
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	-	> 3 năm	Đã nghỉ việc
Cộng	19.375.906.953	-		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi lấy giá gốc trừ đi mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	43.793.341	-	43.793.341	-
Chi phí SX, KD dở dang	371.088.038	-	227.108.947	-
Cộng	414.881.379	-	270.902.288	-

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	734.060.000	1.176.691.819	111.924.900	2.022.676.719
Mua sắm trong năm	-	465.413.636	378.181.818	-	843.595.454
Đ/tr XDCB h/thành	635.027.954	-	-	-	635.027.954
Số cuối năm	635.027.954	1.199.473.636	1.554.873.637	111.924.900	3.501.300.127
Khấu hao					
Số đầu năm	-	360.751.114	415.432.726	91.026.263	867.210.103
Khấu hao trong năm	15.875.699	80.655.666	139.729.785	11.925.439	248.186.589
Số cuối năm	15.875.699	441.406.780	555.162.511	102.951.702	1.115.396.692
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	373.308.886	761.259.093	20.898.637	1.155.466.616
Số cuối năm	619.152.255	758.066.856	999.711.126	8.973.198	2.385.903.435

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 31.977.000 đồng.

Không có tài sản cố định cầm cố thuế chấp vay tại ngày 31/12/2015.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	991.987.260	991.987.260
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	991.987.260	991.987.260
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	991.987.260	991.987.260
Số cuối năm	991.987.260	991.987.260

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 12, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, Tỉnh Long An, diện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*tích 615 m². Mục đích sử dụng làm văn phòng, nhà ở nhân viên và kho chứa vật tư.**13. Bất động sản đầu tư (cho thuê hoạt động)**

	Quyền sử dụng đất (1)	Nhà cửa, vật kiến trúc (2)	Mặt bằng tại 277 Bến Bình Đông (3)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	62.025.542.600	18.515.338.724	97.944.334.866	178.485.216.190
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	62.025.542.600	18.515.338.724	97.944.334.866	178.485.216.190
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	-	3.158.098.077	-	3.158.098.077
Tăng trong năm	-	740.613.552	-	740.613.552
Số cuối năm	-	3.898.711.629	-	3.898.711.629
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	62.025.542.600	15.357.240.647	97.944.334.866	175.327.118.113
Số cuối năm	62.025.542.600	14.616.627.095	97.944.334.866	174.586.504.561

(1) Quyền sử dụng đất tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và lô số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Các Quyền sử dụng đất này hiện đang được thế chấp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) để đảm bảo việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

(2) Bao gồm Khách sạn Green Mê ca Vneco tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Khách sạn Xanh Sài Gòn tại lô số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Các tài sản này hiện đang được thế chấp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) để đảm bảo việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

(3) Mặt bằng để xây dựng dự án căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 67.000.000.000 đồng và chi phí tư vấn, chi phí thiết kế, lãi vay vốn hóa, các chi phí quản lý khác là 30.944.334.886 đồng. Dự án có tổng mức đầu tư là 498.000.000.000 đồng xây dựng trên diện tích đất 5.465,4 m² bao gồm 2 tầng hầm để xe, khối đế 2 tầng thương mại, dịch vụ và khối căn hộ 23 tầng. Dự án này đã ngừng xây dựng do thiếu vốn và khu đất được cho thuê hoạt động nhiều năm qua. Quyền sử dụng đất liên quan đến mặt bằng này hiện đang được thế chấp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) để đảm bảo việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Hiện nay, Công ty đang tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng mặt bằng này theo Nghị quyết số 06/NQ/Meca-Vneco-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 3/10/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà kho Tân An	-	635.027.954
Cộng	-	635.027.954

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	108.450.281	30.681.361
Cộng	108.450.281	30.681.361

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	37.280.412.585	37.280.412.585
Công ty Cổ phần Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	1.351.142.060
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	65.950.384	65.950.384
Công ty TNHH MTV XD Điện Miền Tây Cao Bằng	24.397.500	24.397.500
Ông Nguyễn Minh Điện	42.159.900	42.159.900
Ông Lê Xuân Điện	111.732.800	111.732.800
Ông Cao Duy Phượng	140.000.000	199.610.150
Ông Trần Ngọc Thảo	23.166.000	147.416.000
Ông Lê Quang Trị	485.227.280	-
Các đối tượng khác	13.428.686	194.280.153
Cộng	38.186.475.135	39.417.101.532

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	37.280.412.585	37.280.412.585
Cộng		37.280.412.585	37.280.412.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	890.406.299	890.406.299
Cộng	890.406.299	890.406.299

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	790.008.754	532.781.279	1.258.892.836	63.897.197
Thuế thu nhập cá nhân	-	205.385.270	205.385.270	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.654.468.000	3.027.300	2.657.495.300	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	3.444.476.754	744.193.849	4.124.773.406	63.897.197

b. Phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	29.062.913	29.062.913
Cộng	-	-	29.062.913	29.062.913

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công trình	128.599.000	9.000.000
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	56.501.832	66.501.832
Chi phí khác	22.727.273	22.500.000
Cộng	207.828.105	98.001.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	4.350.000	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.230.495	9.008.890
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	33.789.615.497	28.682.518.696
- Lãi vay phải trả	33.148.631.468	28.638.925.246
- Kinh phí đền bù	543.350.000	-
- Phải trả khác	97.634.029	43.593.450
Thù lao HĐQT & BKS	51.900.000	73.500.000
Phải trả CBNV	30.293.190	28.652.470
Nhận ký quỹ, ký cược	5.340.000.000	140.000.000
Phải trả khác (*)	927.130.471	927.130.471
Cộng	40.151.519.653	29.860.810.527

(*) Khoản phải trả khác nhưng không có tên cụ thể từng đối tượng.

Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan

Mối quan hệ		31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	33.789.615.497	28.682.518.696
Cộng		33.789.615.497	28.682.518.696

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	200.000.000
Cộng	-	200.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	44.619.185.674	-	285.649.999	44.333.535.675
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	44.619.185.674	-	285.649.999	44.333.535.675
Cộng	44.619.185.674	-	285.649.999	44.333.535.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	44.333.535.675	33.148.631.468	44.619.185.674	28.638.925.246
Cộng	44.333.535.675	33.148.631.468	44.619.185.674	28.638.925.246

c. Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		Vay	44.333.535.675
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	44.333.535.675	44.619.185.674
Cộng		44.333.535.675	44.619.185.674

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	90.075.000.000	976.705.862	1.161.453.222	(18.856.774.697)	73.356.384.387
Tăng trong năm	-	-	-	(3.918.384.569)	(3.918.384.569)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	90.075.000.000	976.705.862	1.161.453.222	(22.775.159.266)	69.437.999.818
Chuyển số dư (*)		(976.705.862)	976.705.862		
Số dư tại 01/01/2015	90.075.000.000	-	2.138.159.084	(22.775.159.266)	69.437.999.818
Tăng trong năm	-	-	-	(7.223.229.678)	(7.223.229.678)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	90.075.000.000	-	2.138.159.084	(29.998.388.944)	62.214.770.140

(*) Chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2015	Tỷ lệ %	01/01/2015
Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	70,05	63.100.000.000	70,05	63.100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế ABC	13,40	12.066.000.000	13,40	12.066.000.000
Các cổ đông khác	16,55	14.909.000.000	16,55	14.909.000.000
Cộng	100%	90.075.000.000	100%	90.075.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu phổ thông	9.007.500	9.007.500
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015	01/01/2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(22.775.159.266)	(18.856.774.697)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(29.998.388.944)	(22.775.159.266)

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco 8	89.877.346	Nợ quá lâu không thể đòi được
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	13.624.588	Nợ quá lâu không thể đòi được
Công ty TNHH Máy tính & Truyền thông	1.770.000	Nợ quá lâu không thể đòi được
Cộng	105.271.934	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. Doanh thu**

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu xây lắp	5.330.417.011	13.713.599.780
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.089.090.904	2.059.090.904
Cộng	7.419.507.915	15.772.690.684

Trong đó: Doanh thu với bên liên quan

Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	5.330.417.011	13.713.599.780
- Doanh thu xây lắp	5.330.417.011	13.713.599.780
Cộng	5.330.417.011	13.713.599.780

25. Giá vốn

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn xây lắp	6.645.503.803	10.709.957.590
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	655.714.846	655.714.846
Cộng	7.301.218.649	11.365.672.436

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	166.085.341	119.907.543
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	293.038.700
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	201.117.000
Cộng	166.085.341	614.063.243

27. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	4.509.706.222	5.197.232.357
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(366.799.100)
Chi phí tài chính khác	-	5.520.899
Cộng	4.509.706.222	4.835.954.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	58.285.723	17.134.993
Tiền lương	1.012.314.000	863.320.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.682.325	200.682.325
Chi phí trích lập dự phòng	(36.305.892)	1.799.581.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.500.889.109	1.006.370.161
Các khoản khác	245.178.338	170.822.905
Cộng	2.981.043.603	4.057.913.267

b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	36.305.892	-
Cộng	36.305.892	-

29. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập khác (xử lý nợ)	63.593.250	-
Cộng	63.593.250	-

30. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt chậm nộp và vi phạm pháp luật về thuế	-	8.341.515
Các khoản chi phí khác	80.447.710	37.257.122
Cộng	80.447.710	45.598.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	4.876.921.511	7.191.778.706
- Điều chỉnh tăng	4.876.921.511	7.392.895.706
- Chi phí không hợp lệ	151.215.289	231.933.785
- Chi phí lãi vay do góp thiếu vốn điều lệ	4.509.706.222	5.197.232.357
- Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	216.000.000	252.000.000
- Phạt chậm nộp và vi phạm pháp luật về thuế	-	8.341.515
- Chi phí dự phòng không đủ hồ sơ	-	1.703.388.049
- Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	-	201.117.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.346.308.167)	3.273.394.137
Chuyển lỗ các năm trước	-	3.273.394.137
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(802)	(435)

33. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(802)	(435)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Xây lắp		Cho thuê tài sản		Tổng cộng	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	5.330.417.011	13.713.599.780	2.089.090.904	2.059.090.904	7.419.507.915	15.772.690.684
Giá vốn bộ phận	6.645.503.803	10.709.957.590	655.714.846	655.714.846	7.301.218.649	11.365.672.436
Doanh thu hoạt động tài chính	119.321.138	533.898.605	46.764.203	80.164.638	166.085.341	614.063.243
Chi phí tài chính	3.239.920.361	4.204.630.724	1.269.785.861	631.323.432	4.509.706.222	4.835.954.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.141.679.167	3.528.161.403	839.364.436	529.751.864	2.981.043.603	4.057.913.267
Lợi nhuận thuần h. động KD	(6.577.365.182)	(4.195.251.331)	(629.010.036)	322.465.399	(7.206.375.218)	(3.872.785.932)
Thu nhập khác	63.593.250	-	-	-	63.593.250	-
Chi phí khác	80.447.710	39.645.833	-	5.952.804	80.447.710	45.598.637
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	(16.854.460)	(39.645.833)	-	(5.952.804)	(16.854.460)	(45.598.637)
Lợi nhuận trước thuế	(6.594.219.642)	(4.234.897.164)	(629.010.036)	316.512.595	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.594.219.642)	(4.234.897.164)	(629.010.036)	316.512.595	(7.223.229.678)	(3.918.384.569)
Tài sản dài hạn	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản cố định hữu hình	2.385.903.435	1.155.466.616	-	-	2.385.903.435	1.155.466.616
- Nguyên giá	3.501.300.127	2.022.676.719	-	-	3.501.300.127	2.022.676.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.115.396.692)	(867.210.103)	-	-	(1.115.396.692)	(867.210.103)
Tài sản cố định vô hình	991.987.260	991.987.260	-	-	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	991.987.260	991.987.260	-	-	991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	174.586.504.561	175.327.118.113	174.586.504.561	175.327.118.113
- Nguyên giá	-	-	178.485.216.190	178.485.216.190	178.485.216.190	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(3.898.711.629)	(3.158.098.077)	(3.898.711.629)	(3.158.098.077)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	635.027.954	-	-	-	635.027.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.(tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do không có các giao dịch mua bán thanh toán bằng ngoại tệ, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về lãi suất. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Mặt khác, Công ty vay chủ yếu của Công ty mẹ, lãi suất vay cố định. Do đó, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Giám đốc đánh giá rằng công tác quản lý rủi ro tín dụng của Công ty trong thời gian qua chưa hiệu quả dẫn đến có một số lượng lớn các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bị quá hạn liên quan đến một số khách hàng không có khả năng thanh toán. Do đó, Giám đốc Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp cản trừ công nợ, đôn đốc thu nợ kịp thời và lập dự phòng rủi ro.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	38.186.475.135	-	38.186.475.135
Chi phí phải trả	207.828.105	-	207.828.105
Vay và nợ thuê tài chính	44.333.535.675	-	44.333.535.675
Phải trả khác	39.129.615.497	-	39.129.615.497
Cộng	121.857.454.412	-	121.857.454.412

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	39.417.101.532	-	39.417.101.532
Chi phí phải trả	98.001.832	-	98.001.832
Vay và nợ thuê tài chính	44.619.185.674	-	44.619.185.674
Phải trả khác	28.822.518.696	200.000.000	29.022.518.696
Cộng	112.956.807.734	200.000.000	113.156.807.734

Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.699.118.610	-	6.699.118.610
Phải thu khách hàng	7.355.541.564	-	7.355.541.564
Phải thu khác	568.154.412	-	568.154.412
Cộng	14.622.814.586	-	14.622.814.586

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.083.012.340	-	6.083.012.340
Phải thu khách hàng	10.489.565.675	-	10.489.565.675
Phải thu khác	114.809.222	-	114.809.222
Cộng	16.687.387.237	-	16.687.387.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Sự kiện nổi bật trong năm

Ngày 05 tháng 02 năm 2015, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 72/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MỀ CA VNECO với mã chứng khoán VES được giao dịch trên sàn giao dịch cổ phiếu Upcom. Ngày 18/03/2015, Cổ phiếu VES giao dịch ngày đầu tiên theo Thông báo số 213/TB-SGDHN ngày 09/03/2015.

38. Thông tin khác

Ngày 12/6/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định việc chuyển nhượng dự án Khu căn hộ cao cấp tại 277 Bình Đông, Phường 14, Quận 8, TPHCM.

Ngày 03/10/2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã họp và thông qua Nghị quyết về việc Chuyển nhượng Dự án Khu căn hộ cao cấp Vneco tại số 277 Bình Đông, Phường 14, Quận 8, TPHCM với tổng giá trị chuyển nhượng là 92,5 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT)

Ngày 18/11/2015, Công ty đã ký Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu căn hộ cao cấp VNECO cho Ông Phan Tấn Đạt với một số thông tin như sau:

+ Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 92,5 tỷ đồng bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

+ Ngay sau khi ký Hợp đồng thỏa thuận, Bên nhận chuyển nhượng phải chuyển số tiền đặt cọc là 5 tỷ đồng và trong vòng 20 ngày sẽ chuyển tiếp số tiền còn lại 87,5 tỷ vào tài khoản của Công ty mở tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank). Đến ngày 31/12/2015, Công ty chỉ mới nhận tiền đặt cọc 5 tỷ đồng.

Ngày 14 tháng 01 năm 2016, hai bên đã thỏa thuận gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trên và bên nhận chuyển nhượng chấp nhận nộp phạt số tiền 2 tỷ đồng. Đồng thời, thay đổi chủ thể ký Hợp đồng công chứng là Ông Lê Minh Hậu thay cho ông Phan Tấn Đạt. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chính thức được ký bởi Công ty và Ông Lại Minh Hậu vào ngày 14/1/2016 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, số 215 Trần Bình Trọng, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 18/1/2016.

Ngày 28/01/2016, Công ty chính thức bàn giao toàn bộ lô đất tại địa chỉ 277 Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản bàn giao đất đã ký giữa hai bên.

39. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 31/12/2015, lỗ lũy kế của Công ty là 29.998.388.944 đồng. Tại thời điểm này, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản lưu động là 115.858.075.397 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Các báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty có khả năng hoạt động liên tục.

40. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam VNECO (là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty, chiếm 70,05% vốn thực góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2015); Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam), các thành viên trong Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	Giá trị khối lượng xây lắp	5.863.458.712	15.084.959.758
	Cần trừ nợ vay ngắn hạn	285.649.999	673.690.566
	Lãi vay phải trả	4.509.706.222	5.181.082.478
	Nhận tiền chi hộ đền bù	645.962.000	-
	Bồi thường vật tư thiếu	54.040.579	-

c. Thù lao HĐQT và Thu nhập của Giám đốc

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2015	Năm 2014
Hội đồng quản trị	Thù lao	204.000.000	204.000.000
Giám đốc	Thu nhập	226.636.000	180.000.000
Cộng		430.636.000	384.000.000

41. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	01/01/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	11.529.992.560	11.734.219.363
Tài sản ngắn hạn khác	204.226.803	-
Phải trả ngắn hạn khác	29.720.810.527	29.860.810.527
Phải trả dài hạn khác	340.000.000	200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.161.453.222	2.138.159.084
Quỹ dự phòng tài chính	976.705.862	-



Lâm Quốc Hải

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016